

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Shape the future
with confidence



Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 34

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 4103001723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã VNS theo Quyết định số 81/2008/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 23 tháng 7 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và 3 (ba) chi nhánh đang hoạt động với chi tiết như sau:

- Chi nhánh Bình Dương tại Số 59 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương;
- Chi nhánh Đồng Nai tại Số 1A Lô F2, Quốc lộ 51, Khu Phố 1, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai; và
- Chi nhánh Đồng Tháp tại Số 35A Nguyễn Tất Thành, Khóm 2, Phường 1, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tạ Long Hỷ	Chủ tịch	
Ông Đặng Thành Duy	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Ông Trương Đình Quý	Thành viên	
Ông Trần Anh Minh	Thành viên	
Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Thanh	Thành viên độc lập	
Ông Đặng Công Luận	Thành viên độc lập	
Ông Hồ Kim Trường	Thành viên độc lập	
Ông Đặng Tiến Sỹ	Thành viên	
Ông Đặng Phước Thành	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Thu Hiền	Trưởng ban
Bà Mai Thị Kim Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Mai Phương	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Thành Duy	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Lan Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mác	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Văn Sĩ	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đặng Phước Hoàng Mai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bảo Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Thành Duy.

Bà Đặng Thị Lan Phương, Phó Tổng Giám đốc Công ty, được Ông Đặng Thành Duy ủy quyền để ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có một công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 để ngày 28 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Thị Lan Phương
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11658649/67726768

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3040-2024-004-1

Nguyễn Phan Anh Quốc
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2759-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại – Thuyết minh số 31)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		363.872.470.823	519.644.662.959
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	93.861.717.948	101.359.366.834
111	1. Tiền		23.861.717.948	46.359.366.834
112	2. Các khoản tương đương tiền		70.000.000.000	55.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		150.800.000.000	275.800.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	150.800.000.000	275.800.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		94.890.064.734	128.260.340.303
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	82.401.000.214	107.704.230.095
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	1.067.889.872	1.137.635.413
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	13.551.256.200	20.911.145.780
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 8	(2.130.081.552)	(1.492.670.985)
140	IV. Hàng tồn kho		6.025.538.669	5.654.535.250
141	1. Hàng tồn kho	9	6.025.538.669	5.654.535.250
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		18.295.149.472	8.570.420.572
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	14.003.990.703	8.455.729.251
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	4.291.158.769	114.691.321
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.451.469.783.326	1.093.217.039.529
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.861.060.000	902.996.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6	1.294.600.000	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.566.460.000	902.996.000
220	II. Tài sản cố định		1.359.862.283.997	997.130.114.917
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.176.739.924.142	746.069.259.693
222	Nguyên giá		1.626.321.672.890	1.535.467.674.936
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(449.581.748.748)	(789.398.415.243)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	182.851.101.796	250.827.208.272
225	Nguyên giá		243.745.454.456	318.858.181.756
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(60.894.352.660)	(68.030.973.484)
227	3. Tài sản cố định vô hình		271.258.059	233.646.952
228	Nguyên giá		2.414.221.000	2.264.221.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.142.962.941)	(2.030.574.048)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	4.601.954.545
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	4.601.954.545
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		43.920.000.000	43.920.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	12	43.920.000.000	43.920.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		44.826.439.329	46.661.974.067
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	44.826.439.329	46.661.974.067
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.815.342.254.149	1.612.861.702.488

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại – Thuyết minh số 31)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		684.616.527.614	461.836.708.429
310	I. Nợ ngắn hạn		252.010.372.899	168.605.861.915
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	12.449.943.607	18.058.238.806
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		279.814.052	238.207.669
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.262.077.490	9.524.413.367
314	4. Phải trả người lao động		7.656.737.784	7.858.067.399
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	7.397.589.124	11.392.107.290
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	1.724.842.488	1.943.290.862
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	31.561.643.576	27.884.364.696
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	188.594.775.324	91.554.222.372
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		82.949.454	152.949.454
330	II. Nợ dài hạn		432.606.154.715	293.230.846.514
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	79.960.677.042	107.200.691.565
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	349.429.907.173	182.608.038.932
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	3.12	3.215.570.500	3.422.116.017
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.130.725.726.535	1.151.024.994.059
410	I. Vốn chủ sở hữu	21.1	1.130.725.726.535	1.151.024.994.059
411	1. Vốn cổ phần		678.591.920.000	678.591.920.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		678.591.920.000	678.591.920.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		86.929.263.110	86.929.263.110
418	3. Quỹ đầu tư và phát triển		268.688.372.802	268.688.372.802
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		96.516.170.623	116.815.438.147
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		15.026.650.147	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		81.489.520.476	116.815.438.147
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.815.342.254.149	1.612.861.702.488

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập

Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng

Đặng Thị Lan Phương
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	931.061.811.093	1.119.551.581.924
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23, 27	(754.609.034.383)	(881.062.290.776)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		176.452.776.710	238.489.291.148
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	13.748.571.582	35.043.415.404
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	24	(24.652.451.878) (24.594.711.778)	(24.008.880.122) (23.978.619.466)
25	6. Chi phí bán hàng	25, 27	(69.281.318.633)	(67.958.260.824)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25, 27	(78.238.149.670)	(80.114.585.285)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		18.029.428.111	101.450.980.321
31	9. Thu nhập khác	26	70.034.384.146	43.978.721.000
32	10. Chi phí khác	26	(4.352.730.308)	(2.987.436.496)
40	11. Lợi nhuận khác	26	65.681.653.838	40.991.284.504
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		83.711.081.949	142.442.264.825
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(1.597.561.473)	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		82.113.520.476	142.442.264.825

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025


Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập


Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng



Đặng Thị Lan Phương
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		83.711.081.949	142.442.264.825
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	27	204.426.362.590	217.874.313.374
03	Dự phòng (hoàn nhập các khoản dự phòng)		430.865.050	(103.298.092)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(49.516.608.612)	(49.444.607.640)
06	Chi phí lãi vay	24	24.594.711.778	23.978.619.466
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		263.646.412.755	334.747.291.933
09	Giảm các khoản phải thu		10.941.267.694	1.963.121.696
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(371.003.419)	151.850.451
11	Giảm các khoản phải trả		(43.099.104.434)	(11.388.948.990)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(3.712.726.714)	4.062.755.906
14	Tiền lãi vay đã trả		(24.587.421.308)	(23.818.009.252)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(70.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		202.747.424.574	305.718.061.744
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(732.371.963.438)	(174.947.136.292)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		217.995.565.451	83.660.674.358
23	Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn		(375.000.000.000)	(685.800.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		500.000.000.000	750.800.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(7.920.000.000)
27	Lãi tiền gửi nhận được		16.980.064.334	38.139.346.143
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(372.396.333.653)	3.932.884.209
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	20.3	385.455.810.000	61.831.940.000
34	Tiền trả nợ gốc vay	20.3	(81.966.611.515)	(42.275.494.658)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	20.3	(39.626.777.292)	(56.001.148.822)
36	Cổ tức đã trả	21.2	(101.711.161.000)	(359.513.891.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		162.151.260.193	(395.958.594.680)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(7.497.648.886)	(86.307.648.727)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		101.359.366.834	187.667.015.561
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	93.861.717.948	101.359.366.834

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025



Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập



Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng



Đặng Thị Lan Phương
Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 4103001723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã VNS theo Quyết định số 81/2008/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 23 tháng 7 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và 3 (ba) chi nhánh đang hoạt động như sau:

- Chi nhánh Bình Dương tại Số 59 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương;
- Chi nhánh Đồng Nai tại Số 1A Lô F2, Quốc lộ 51, Khu Phố 1, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai; và
- Chi nhánh Đồng Tháp tại Số 35A Nguyễn Tất Thành, Khóm 2, Phường 1, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.235 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.439).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có một công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để ngày 28 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán phụ tùng ô tô với chi phí mua được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng;
- ▶ Chi phí bảo hiểm;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Các khoản chi phí trả trước khác.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Nhóm Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

3.15 Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

► *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Doanh thu nhượng quyền thương mại và khai thác taxi

Doanh thu được ghi nhận dựa trên mức phí cố định hằng ngày trong suốt thời gian hợp đồng.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.18 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Tiền mặt	4.728.863.564	32.781.974.484
Tiền gửi ngân hàng	19.132.854.384	13.570.071.350
Tiền đang chuyển	-	7.321.000
Các khoản tương đương tiền (*)	70.000.000.000	55.000.000.000
TỔNG CỘNG	93.861.717.948	101.359.366.834

(*) Số dư này thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc một (1) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 3,7% đến 4,5%/năm (31 tháng 12 năm 2023: 2,0% đến 3,2%/năm).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Số dư này thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc từ ba (3) tháng trở lên và kỳ hạn còn lại không quá mười hai (12) tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất dao động từ 4,2%/năm đến 5,6%/năm (31 tháng 12 năm 2023: 4,2% đến 8,3%/năm).

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Ngắn hạn	82.401.000.214	107.704.230.095
Phải thu khách hàng dùng thẻ taxi	66.925.564.662	73.372.378.006
Phải thu về thanh lý tài sản cố định	7.819.609.495	21.308.671.510
Phải thu tiền khách vãng lai	2.450.657.097	7.316.677.837
Khác	5.205.168.960	5.706.502.742
Dài hạn	1.294.600.000	-
Phải thu về thanh lý tài sản cố định	1.294.600.000	-
TỔNG CỘNG	83.695.600.214	107.704.230.095
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(578.343.264)	(542.975.608)
GIÁ TRỊ THUẦN	83.117.256.950	107.161.254.487

Tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
		VND
Số đầu năm	542.975.608	1.624.738.358
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	67.400.053	236.935.410
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(32.032.397)	(1.318.698.160)
Số cuối năm	578.343.264	542.975.608

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	506.049.641	336.207.186
Khác	561.840.231	801.428.227
TỔNG CỘNG	1.067.889.872	1.137.635.413

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	13.551.256.200	20.911.145.780
Tạm ứng cho nhân viên	2.386.529.221	3.213.817.920
Lãi tiền gửi	2.074.967.673	5.387.571.518
Ký quỹ, ký cược	1.454.201.000	1.925.310.000
Phải thu hộ liên quan đến bán vé máy bay	1.383.272.725	1.532.780.796
Phải thu khác từ tài xế và nhân viên	1.378.243.077	2.380.884.211
Tiền trả trước liên quan đến sử dụng thẻ taxi (Thuyết minh số 29)	-	1.578.840.009
Khác	4.874.042.504	4.891.941.326
Dài hạn	1.566.460.000	902.996.000
Ký quỹ, ký cược	1.566.460.000	902.996.000
TỔNG CỘNG	15.117.716.200	21.814.141.780
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.551.738.288)	(949.695.377)
GIÁ TRỊ THUẦN	13.565.977.912	20.864.446.403

Tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu khác ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	949.695.377	3.220.645.811
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	612.591.732	75.595.944
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(10.548.821)	(2.346.546.378)
Số cuối năm	1.551.738.288	949.695.377

9. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện giá trị phụ tùng chưa xuất dùng vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	9.499.236.357	1.521.971.730.750	3.996.707.829	1.535.467.674.936
Mua mới trong năm	-	736.973.917.983	-	736.973.917.983
Mua lại tài sản cố định thuế tài chính (Thuyết minh số 11)	-	75.112.727.300	-	75.112.727.300
Thanh lý	-	(721.232.647.329)	-	(721.232.647.329)
Số cuối năm	9.499.236.357	1.612.825.728.704	3.996.707.829	1.626.321.672.890
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	7.437.245.448	59.151.899.981	3.996.707.829	70.585.853.258
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	7.724.213.378	777.677.494.036	3.996.707.829	789.398.415.243
Khấu hao trong năm	687.330.312	169.666.582.227	-	170.353.912.539
Mua lại tài sản cố định thuế tài chính (Thuyết minh số 11)	-	41.096.681.982	-	41.096.681.982
Thanh lý	-	(551.267.261.016)	-	(551.267.261.016)
Số cuối năm	8.411.543.690	437.173.497.229	3.996.707.829	449.581.748.748
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	1.775.022.979	744.294.236.714	-	746.069.259.693
Số cuối năm	1.087.692.667	1.175.652.231.475	-	1.176.739.924.142
Trong đó:				
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 20.1)	-	865.084.602.508	-	865.084.602.508

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

VND

Phương tiện vận tải

Nguyên giá:

Số đầu năm	318.858.181.756
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính (Thuyết minh số 10)	(75.112.727.300)
Số cuối năm	243.745.454.456

Giá trị khấu hao lũy kế:

Số đầu năm	68.030.973.484
Khấu hao trong năm	33.960.061.158
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính (Thuyết minh số 10)	(41.096.681.982)
Số cuối năm	60.894.352.660

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	250.827.208.272
Số cuối năm	182.851.101.796

Công ty thuê phương tiện vận tải hiện đang được sử dụng trong hoạt động cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi. Theo các hợp đồng thuê tài chính, Công ty có thể mua lại phương tiện vận tải tại cuối thời hạn thuê. Các cam kết liên quan các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày trong Thuyết minh số 20.2.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Tên đơn vị	Số cuối năm và số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết
	VND	(%)
Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam	43.920.000.000	99

Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam ("ADX") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKDN số 0401378832 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp vào ngày 10 tháng 9 năm 2010 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong năm hiện tại của ADX là kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi. Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 277, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Giá trị hợp lý khoản đầu tư này chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình hình hoạt động hiện tại của ADX, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	14.003.990.703	8.455.729.251
Bảo hiểm vật chất xe và bảo hiểm dân sự	10.226.773.960	5.917.171.233
Phí bảo trì đường bộ	2.381.284.000	1.339.963.000
Khác	1.395.932.743	1.198.595.018
Dài hạn	44.826.439.329	46.661.974.067
Tiền thuê văn phòng trả trước (*)	43.275.599.728	44.586.981.544
Công cụ, dụng cụ	1.356.444.452	1.824.633.335
Khác	194.395.149	250.359.188
TỔNG CỘNG	58.830.430.032	55.117.703.318

(*) Đây là khoản tiền trả trước tiền thuê văn phòng của Công ty tại Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà cung cấp vật tư phụ tùng	3.573.409.016	5.184.676.426
Nhà cung cấp dịch vụ bảo hiểm xe	2.249.793.225	1.332.784.648
Nhà cung cấp dịch vụ tiếp thị	1.171.550.179	1.194.823.287
Nhà cung cấp xăng	838.725.590	3.475.121.869
Nhà cung cấp khác trong nước	4.616.465.597	6.870.832.576
TỔNG CỘNG	12.449.943.607	18.058.238.806

15. THUẾ

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	114.691.321	4.176.467.448	-	4.291.158.769
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.597.561.473	-	1.597.561.473
Thuế thu nhập cá nhân	573.167.208	5.028.285.668	(5.145.366.839)	456.086.037
Thuế giá trị gia tăng	8.951.246.159	38.088.796.978	(46.831.613.157)	208.429.980
Thuế khác	-	15.000.000	(15.000.000)	-
TỔNG CỘNG	9.524.413.367	44.729.644.119	(51.991.979.996)	2.262.077.490

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thường và phúc lợi của nhân viên	6.300.834.124	10.721.460.794
Khác	1.096.755.000	670.646.496
TỔNG CỘNG	7.397.589.124	11.392.107.290

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho thuê thiết bị và nhãn hiệu	139.889.888	488.270.280
Khác	1.584.952.600	1.455.020.582
TỔNG CỘNG	1.724.842.488	1.943.290.862

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ từ tài xế taxi	21.377.231.665	9.961.858.136
Chia sẻ lợi nhuận cho bên cho thuê	3.712.000.000	3.088.000.000
Chi phí lãi vay	973.653.692	966.363.222
Bảo hiểm vật chất xe	735.376.839	2.393.948.384
Cổ tức phải trả	631.715.900	554.088.900
Khác	4.131.665.480	10.920.106.054
TỔNG CỘNG	31.561.643.576	27.884.364.696
Trong đó		
Phải trả bên khác	31.087.017.576	27.884.364.696
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 29)	474.626.000	-

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại – Thuyết minh số 31)
Nhận ký quỹ từ khách hàng	48.982.956.067	50.424.498.267
Nhận ký quỹ từ tài xế taxi	30.185.720.975	55.984.193.298
Nhận ký quỹ tiền cho thuê mặt bằng	792.000.000	792.000.000
TỔNG CỘNG	79.960.677.042	107.200.691.565

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	
Ngắn hạn	188.594.775.324	91.554.222.372
Vay dài hạn đến hạn trả từ ngân hàng (Thuyết minh số 20.1)	148.967.998.032	51.927.445.080
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20.2)	39.626.777.292	39.626.777.292
Dài hạn	349.429.907.173	182.608.038.932
Vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số 20.1)	309.452.685.567	103.004.040.034
Nợ thuê tài chính dài hạn (Thuyết minh số 20.2)	39.977.221.606	79.603.998.898
TỔNG CỘNG	538.024.682.497	274.162.261.304

20.1 Vay dài hạn từ các ngân hàng

Công ty có các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng thương mại để mua phương tiện vận tải phục vụ cho việc kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi với chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 10)
	VND		%/năm	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	310.224.116.153	Từ ngày 3 tháng 2 năm 2025 đến ngày 26 tháng 10 năm 2028	Lãi suất cơ sở + biên độ tối thiểu 3.3%	927 xe
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	89.590.610.000	Từ ngày 20 tháng 1 năm 2025 đến ngày 13 tháng 6 năm 2028	Lãi suất cơ sở + biên độ tối thiểu 3.5 %	266 xe
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	58.605.957.446	Từ ngày 21 tháng 1 năm 2025 đến ngày 21 tháng 10 năm 2028	Lãi suất cơ sở + biên độ tối thiểu 1.5 %	120 xe
TỔNG CỘNG	458.420.683.599			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	148.967.998.032			
Vay dài hạn	309.452.685.567			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

20.2 Nợ thuế tài chính

Công ty hiện đang thuế phương tiện vận tải theo các hợp đồng thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu. Các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Lãi thuế tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Lãi thuế tài chính	
Dưới 1 năm	44.287.189.372	4.660.412.080	39.626.777.292	8.599.220.647	39.626.777.292
Từ 1 năm đến 5 năm	41.686.717.569	1.709.495.963	39.977.221.606	7.123.602.119	79.603.998.898
TỔNG CỘNG	85.973.906.941	6.369.908.043	79.603.998.898	15.722.822.766	119.230.776.190

20.3 Tăng (giảm) các khoản vay và nợ thuế tài chính

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay và nợ thuế tài chính trong năm như sau:

	Số đầu năm		Tăng trong năm		Giảm trong năm		Số cuối năm	VND
Vay ngân hàng	154.931.485.114	385.455.810.000	(81.966.611.515)	458.420.683.599				
Nợ thuế tài chính	119.230.776.190	-	(39.626.777.292)	79.603.998.898				
TỔNG CỘNG	274.162.261.304	385.455.810.000	(121.593.388.807)	538.024.682.497				

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	678.591.920.000	86.929.263.110	268.688.372.802	334.650.890.922	1.368.860.446.834
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	142.442.264.825	142.442.264.825
Trích khen thưởng ban điều hành	-	-	-	(359.653.717.600)	(359.653.717.600)
Giảm khác	-	-	-	(624.000.000)	(624.000.000)
Số cuối năm	678.591.920.000	86.929.263.110	268.688.372.802	116.815.438.147	1.151.024.994.059
Năm nay					
Số đầu năm	678.591.920.000	86.929.263.110	268.688.372.802	116.815.438.147	1.151.024.994.059
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	82.113.520.476	82.113.520.476
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(101.788.788.000)	(101.788.788.000)
Giảm khác	-	-	-	(624.000.000)	(624.000.000)
Số cuối năm	678.591.920.000	86.929.263.110	268.688.372.802	96.516.170.623	1.130.725.726.535

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm và cuối năm	678.591.920.000	678.591.920.000
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố (*)	101.788.788.000	359.653.717.600
Cổ tức đã trả bằng tiền	101.711.161.000	359.513.891.200

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 24 tháng 4 năm 2024, các cổ đông của Công ty đã thông qua việc chi cổ tức năm 2024 bằng tiền tại mức 15% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông với tổng giá trị là 101.788.788.000 VND.

21.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	67.859.192	67.859.192
Cổ phiếu đã bán ra công chúng Cổ phiếu phổ thông	67.859.192	67.859.192
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	67.859.192	67.859.192

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (31 tháng 12 năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi (*)	912.695.294.654	1.092.645.615.020
Khác	18.366.516.439	26.905.966.904
TỔNG CỘNG	931.061.811.093	1.119.551.581.924

(*) Doanh thu từ cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi bao gồm doanh thu từ các phương thức: dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi, nhượng quyền và hợp tác để cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	13.667.460.489	34.995.707.806
Khác	81.111.093	47.707.598
TỔNG CỘNG	13.748.571.582	35.043.415.404

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi (*)	737.962.136.908	856.597.092.777
Khác	16.646.897.475	24.465.197.999
TỔNG CỘNG	754.609.034.383	881.062.290.776

(*) Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi bao gồm giá vốn từ vận tải hành khách bằng taxi, nhượng quyền và hợp tác để cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi.

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	24.594.711.778	23.978.619.466
Lỗ chênh lệch tỷ giá	57.740.100	30.260.656
TỔNG CỘNG	24.652.451.878	24.008.880.122

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	69.281.318.633	67.958.260.824
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.800.878.141	36.471.263.267
Chi phí nhân viên	30.810.249.359	30.070.945.595
Khác	1.670.191.133	1.416.051.962
Chi phí quản lý doanh nghiệp	78.238.149.670	80.114.585.285
Chi phí nhân viên	36.535.371.489	38.978.347.621
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.895.084.773	30.607.035.381
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.527.697.989	2.054.382.938
Khác	8.279.995.419	8.474.819.345
TỔNG CỘNG	147.519.468.303	148.072.846.109

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	70.034.384.146	43.978.721.000
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	35.849.148.123	14.448.899.834
Thu nhập từ quảng cáo trên taxi	22.359.264.200	23.378.629.270
Khác	11.825.971.823	6.151.191.896
Chi phí khác	(4.352.730.308)	(2.987.436.496)
Chi phí quảng cáo trên taxi	(2.491.940.000)	(2.713.088.000)
Khác	(1.860.790.308)	(274.348.496)
LỢI NHUẬN KHÁC	65.681.653.838	40.991.284.504

27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí phụ tùng và nhiên liệu	351.189.160.417	440.522.324.448
Chi phí nhân viên	219.137.433.437	240.201.886.380
Chi phí khấu hao và hao mòn	204.426.362.590	217.874.313.374
Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.693.443.331	90.544.369.969
Khác	34.682.102.911	39.992.242.714
TỔNG CỘNG	902.128.502.686	1.029.135.136.885

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.597.561.473	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	83.711.081.949	142.442.264.825
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	16.742.216.390	28.488.452.965
Các khoản điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.186.985.816	1.241.802.012
Thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời	(105.038.104)	(60.494.717)
Sử dụng lỗ năm trước chuyển sang	(16.226.602.629)	(29.669.760.260)
Chi phí thuế TNDN	1.597.561.473	-

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

28.3 Lỗ chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ lũy kế ước tính với tổng giá trị là 0 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 81.133.013.147 VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND					
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2024	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
2021	2026	233.931.727.555	(233.931.727.555)	-	-

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lỗi chuyển sang các năm sau	-	81.133.013.147
Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.215.570.500	3.422.116.017
Trích trước chi phí quà tặng và thưởng	1.096.755.000	1.415.400.000
TỔNG CỘNG	4.312.325.500	85.970.529.164

29. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam	Công ty con
Ông Đặng Phước Thành	Cổ đông lớn
Chị Ngô Thị Thúy Vân	Cổ đông lớn
Ông Lê Hải Đoàn	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Tư Vấn Kim Ngưu	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn - TNHH Một Thành Viên	Cổ đông lớn
Ông Đặng Thành Duy	Tổng Giám đốc
Chị Phạm Kim Liên	kiêm Thành viên HĐQT Cổ đông lớn

Giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

VND			
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam	Chi phí trả hộ	8.281.630.174	8.307.350.657
	Thanh lý xe	7.269.079.787	-
Ông Đặng Phước Thành	Cổ tức công bố	25.361.832.000	89.611.806.400
Công ty TNHH Tư vấn Kim Ngưu	Cổ tức công bố	12.900.135.000	45.580.477.000
Chị Ngô Thị Thúy Vân	Cổ tức công bố	12.120.885.000	42.827.127.000
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một Thành Viên	Cổ tức công bố	8.055.450.000	28.462.590.000
Ông Đặng Thành Duy	Cổ tức công bố	5.085.030.000	17.967.106.000
Chị Phạm Kim Liên	Cổ tức công bố	4.935.966.000	15.850.413.200
Ông Lê Hải Đoàn	Cổ tức công bố	138.600.000	189.780.000

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau:

VND			
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam	Tiền trả trước liên quan đến sử dụng thẻ taxi	-	1.578.840.009

Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam	Chi hộ	474.626.000	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc như sau:

VND			
Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Tạ Long Hỷ	Chủ tịch	603.280.000	591.280.000
Ông Đặng Thành Duy (từ ngày 24 tháng 4 năm 2024)	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	574.697.000	517.320.000
Bà Đặng Thị Lan Phương	Phó Tổng Giám đốc	567.280.000	581.280.000
Ông Huỳnh Văn Sĩ	Phó Tổng Giám đốc	548.360.000	561.360.000
Ông Trần Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	531.560.000	544.560.000
Ông Trương Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	531.560.000	544.560.000
Ông Nguyễn Văn Mác	Phó Tổng Giám đốc	453.560.000	423.120.000
Bà Đặng Phước Hoàng Mai	Phó Tổng Giám đốc	418.760.000	431.760.000
Ông Nguyễn Bảo Toàn	Phó Tổng Giám đốc	418.760.000	431.760.000
Ông Đặng Hoàng Sang	Kế toán trưởng	385.040.000	439.040.000
Ông Đặng Phước Thành (đến ngày 24 tháng 4 năm 2024)	Thành viên HĐQT	216.960.000	566.880.000
Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Hồ Kim Trường	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Đặng Công Luận	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Đình Thanh	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Đặng Tiến Sỹ	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Bà Trần Thị Thu Hiền	Trưởng Ban kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Bà Mai Thị Kim Hoàng	Ban kiểm soát	48.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai Phụng	Ban kiểm soát	48.000.000	48.000.000
		5.885.817.000	6.268.920.000

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC CAM KẾT

30.1. Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê một số văn phòng và xưởng sửa chữa xe theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	805.424.520	2.713.285.140
Từ 1 năm đến 5 năm	617.666.664	1.456.691.184
TỔNG CỘNG	1.423.091.184	4.169.976.324

30.2. Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê tòa nhà theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	2.880.000.000	2.880.000.000
Từ 1 năm đến 5 năm	14.400.000.000	14.400.000.000
Trên 5 năm	2.880.000.000	5.760.000.000
TỔNG CỘNG	20.160.000.000	23.040.000.000

31. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU NĂM TRƯỚC

Một số dữ liệu tương ứng trong bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được phân loại lại cho phù hợp với bản chất của các nghiệp vụ. Chi tiết như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Đã phân loại lại)
Bảng cân đối kế toán			
Phải trả dài hạn khác	110.622.807.582	(3.422.116.017)	107.200.691.565
Dự phòng phải trả dài hạn	-	3.422.116.017	3.422.116.017

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Nợ khó đòi đã xử lý	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ lái xe nghỉ việc	2.245.995.108	2.245.995.108
Phải thu từ các khách hàng	1.185.271.750	1.185.271.750
TỔNG CỘNG	3.431.266.858	3.431.266.858

(*) Công ty đã xóa sổ các khoản phải thu quá hạn trên 3 năm và được lập dự phòng 100% trong các năm trước.

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025



Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập



Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng



Đặng Thị Lan Phương
Phó Tổng Giám đốc



EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn